

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ P  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-6-2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Thế Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 482/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Lệ H, sinh năm 1975.

Trú tại: Tổ B, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Chu Văn T, sinh năm 1974; hộ khẩu thường trú: Tổ T, khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trú tại: Tổ B, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà H có mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị Lệ H trình bày:*

Bà H và ông T tìm hiểu, quen biết và chung sống với nhau vào năm 1994. Có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Y, tỉnh Nghệ An và được Ủy ban nhân dân xã T2 cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06-11-1994. Nhưng do sau này cả gia đình chuyển vào Miền Nam sinh sống nên mất hết giấy tờ cá nhân, do đó năm 2008, bà H và ông T đăng ký kết hôn lại tại

Ủy ban nhân dân xã N, huyện A (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01/2008 ngày 19-11-2008. Hôn nhân hai bên là tự nguyện, không bị ép buộc.

Quá trình vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần là do trong quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn cãi vã nhau, ảnh hưởng đến con cái. Hơn nữa do ông T làm ăn thua lỗ xong không chịu cùng bà H tiếp tục làm việc để trả nợ mà để một mình bà H gánh vác. Mâu thuẫn kéo dài, bà H và ông T đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình trạng hôn nhân mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Tháng 6/2020 bà H có nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân thị xã P, tuy nhiên sau khi Tòa án tiến hành hòa giải bà H đã rút đơn xin ly hôn để vợ chồng suy nghĩ lại. Nhưng sau đó vợ chồng ông bà vẫn không thể tiếp tục chung sống được nữa. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông T nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Chu Văn N, sinh ngày 31-8-1995 và Chu Thành Đ, sinh ngày 26-02-2008. Sau khi ly hôn bà Võ Thị Lệ H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ; cháu N đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### *2. Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Chu Văn T trình bày:*

Ông Chu Văn T đồng ý với trình bày của bà Võ Thị Lệ H về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn do năm 2015 ông T làm ăn thua lỗ, nợ nần nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà H nộp đơn lên Tòa án yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý. Vì ông bà chưa giải quyết xong về vấn đề nợ chung và tài sản chung.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung là Chu Văn N, sinh ngày 31-8-1995 và Chu Thành Đ, sinh ngày 26-02-2008. Sau khi ly hôn ông T đồng ý giao cháu Đ cho bà Võ Thị Lệ H nuôi dưỡng; cháu N đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### *3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị Lệ H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Chu Văn T; hộ khẩu thường trú: Tổ T, khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; trú tại: Tổ B, khu phố Ô, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[1.2] Bị đơn ông Chu Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Chu Văn T theo quy định.

[2] Về nội dung: Bà Võ Thị Lệ H yêu cầu ly hôn với ông Chu Văn T.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 tại xã T2, huyện Y, tỉnh Nghệ An, có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân xã T2 cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06-11-1994. Đến năm 2008 bà H ông T vào sinh sống tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiếp tục xin đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyền số 01/2008 ngày 19-11-2008, lý do là ông bà bị mất giấy tờ nên đăng ký kết hôn lại.

Như vậy bà H ông T được 02 cơ quan có thẩm quyền cấp cho 02 giấy chứng nhận kết hôn khác nhau là vi phạm quy định pháp luật. Ngày 25-5-2021, Ủy ban nhân dân thị xã P đã có Quyết định về việc thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn số 885/QĐ-UBND với nội dung: Đề thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn giữa ông Chu Văn T và bà Võ Thị Lệ H do Ủy ban nhân dân xã N, huyện A (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp tại số 143, quyền số 01 ngày 19-11-2008; lý do: Thực hiện đăng ký kết hôn vi phạm nguyên tắc được quy định tại khoản 4, Điều 5 Luật Hộ tịch năm 2014 (đăng ký kết hôn 02 lần). Do đó, hôn nhân của bà H ông T được công nhận là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06-11-1994 của Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Lệ H:

Quá trình chung sống, bà H và ông T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do ông T làm ăn thất bại dẫn đến nợ nần, vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng ông bà không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, không có biện pháp hòa giải hàn gắn gia đình.

Các buổi làm việc tại Tòa án ông T không đồng ý ly hôn với bà H, nguyên nhân ông T đưa ra là do chưa có giải quyết về tài sản chung, mặt khác ông T nợ bên ngoài nhiều nên nếu ký giấy ly hôn thì sợ chủ nợ sẽ cho rằng ông muốn trốn nợ. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng từ khi ly thân cho đến quá trình giải quyết tại Tòa án ông T không đưa ra được biện pháp hay lý do gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng mà chỉ nói đến vấn đề tài sản và nợ, trong quá trình làm việc hòa giải Tòa án cũng đã hướng dẫn cho ông T được quyền làm đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nhưng ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên

việc ông T đưa ra lý do để không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H về việc xin ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ giấy khai sinh số 789 ngày 02-02-2010 của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An và Trích lục khai sinh số 438/TLKS-BS ngày 31-7-2018 của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì bà Võ Thị Lệ H và ông Chu Văn T có 02 con chung là Chu Văn N, sinh ngày 31-8-1995 và Chu Thành Đ, sinh ngày 26-02-2008.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Võ Thị Lệ H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Chu Thành Đ, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Còn con chung là cháu Chu Văn N đã đủ tuổi trưởng thành và có đủ khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Cháu Đ hiện trên 07 tuổi, đang sống với bà H. Theo bản tự khai của cháu thì hiện nay cháu đang sống cùng với bà H, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với bà H. Trong vụ án này, ông T cũng không tranh chấp quyền nuôi con, đồng ý giao cháu Đ cho bà H nuôi dưỡng. Để không làm ảnh hưởng cuộc sống của con chung, cũng như đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho cháu, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử xét giao cháu Chu Thành Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Lệ H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Lệ H được ly hôn với ông Chu Văn T.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Võ Thị Lệ H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Chu Thành Đ, sinh ngày 26-02-2008. Ông Chu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Chu Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Lệ H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005934 ngày 08-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-6-2021) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. P, tỉnh BR-VT;
- UBND xã N, TX. P, tỉnh BR-VT;
- UBND xã T2, huyện Y, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Thị Tình**